

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 795/2022/KDTM-ST
Ngày: 23-9-2022.
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thu An
2. Ông Đoàn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 483/2021/TLST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2022/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2022/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Trụ sở: 89 L, phường L, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- 1/ Bà Nguyễn Thị Kim O (có mặt);
- 2/ Ông Lang Trung T (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tầng 1, 96 C, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số: 1552/2022/UQ-PGD ngày 27/6/2022)

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên V

Trụ sở: 56/76 T, Phường 5, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị H - Giám đốc. (vắng mặt)

Địa chỉ: 647 H, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị H, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: 647 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày ngày 12/6/2021; đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện ngày 22/3/2022, đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện ngày 09/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (người đại diện ủy quyền ông Lang Trung T và bà Nguyễn Thị Kim O) trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (viết tắt Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên V) có địa chỉ trụ sở tại 56/76 Thích Quảng Đức, Phường 5, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (viết tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng cho vay từng lần số: SME/HCM/19/0049/HDTD ngày 19/6/2019 với các thông tin sau:

Khế ước nhận nợ lần: 01/số: SME/HCM/19/0049/HDTD-01 ngày 19/6/2019, số tiền cho vay 700.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 19/6/2019 đến ngày 19/6/2020. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 18.6%/năm, lãi suất cho vay được cố định trong vòng 01 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng/01 lần, ngày đầu tiên điều chỉnh lãi suất là ngày 17/9/2019, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 12 tháng và điều chỉnh lãi suất 01 tháng công (+) với biên độ 11%.

Ngày 01/8/2019, khoản vay của Công ty V bị chuyển nợ quá hạn. Kể từ thời điểm giải ngân đến ngày 23/9/2022, Công ty V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 101.616.212 đồng (trong đó nợ gốc là 97.217.459 đồng, nợ lãi là 4.398.803 đồng), số tiền gốc còn lại là 602.782.541 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, Ngân hàng và Công ty V thống nhất áp dụng biện pháp bảo đảm bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Lê Thị Hà theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/HCM/19/0049/HDBL.01 ngày 19/6/2019.

Tạm tính đến ngày 23/9/2022, dư nợ quá hạn của Công ty V tại Ngân hàng là:

- Nợ gốc quá hạn: 602.782.541 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 10.319.0005 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 542.514.186 đồng;
- Nợ lãi chậm trả: 6.129.538 đồng.

Tổng cộng: 1.161.745.270 đồng.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty V đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty Vạn Lợi Thành Phát để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty V cố tình kéo dài nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết:

1. Công ty V phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số nợ tạm tính đến hết ngày 23/9/2022 là:

- Nợ gốc quá hạn: 602.782.541 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 10.319.0005 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 542.514.186 đồng;
- Nợ lãi chậm trả: 6.129.538 đồng.

Tổng cộng: 1.161.745.270 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 24/9/2022, Công ty V vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

2. Trường hợp Công ty V không thanh toán theo yêu cầu trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu bà Lê Thị H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả thay cho Công ty V theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/HCM/19/0049/HDBL.01 ngày 19/6/2019 đã ký với Ngân hàng cho tới khi thanh toán toàn bộ dư nợ.

Bị đơn Công ty V (người đại diện theo pháp luật bà Lê Thị H) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lang Trung T và bà Nguyễn Thị Kim O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Công ty V (người đại diện theo pháp luật bà Lê Thị H) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng cấp tín dụng giữa nguyên đơn với khách hàng tổ chức có đăng ký kinh doanh, là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

[1.2.1] Theo Hợp đồng cho vay từng lần số: SME/HCM/19/0049/HDTD ngày 19/6/2019 và Khế ước nhận nợ lần: 01/số: SME/HCM/19/0049/HDTD-01 ngày 19/6/2019, Công ty V cung cấp địa chỉ trụ sở tại 56/76 T, Phường 5, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh và người đại diện theo pháp luật là bà Lê Thị H, chức vụ Giám đốc.

Căn cứ Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 483/2022/QĐ-CCTLCC ngày 09/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường 5, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại địa chỉ 56/76 T, Phường 5, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh không có Công ty V đăng ký kinh doanh.

Căn cứ Công văn số: 1704/ĐKKD-T6 ngày 06/4/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh: Thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty V (mã số doanh nghiệp, đăng ký lần đầu ngày 11/11/2010, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 02/4/2019), trụ sở chính 56/76 T, Phường 5, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật bà Lê Thị H, địa chỉ thường trú và liên lạc 647 H, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay, công ty chưa đăng ký giải thể.

Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Công ty V và Công ty V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2.2] Theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/HCM/19/0049/HDBL.01 ngày 19/6/2019, bên nhận bảo lãnh Ngân hàng, bên bảo lãnh bà Lê Thị Hà.

Căn cứ Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 484/2022/QĐ-CCTLCC ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị H hiện không cư ngụ tại địa chỉ 647 H, Phường 9, Quận 8 và không có thông tin về nơi ở hiện tại.

[1.2.3] Ngày 25/5/2022, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Công văn số: 593/TAPN yêu cầu nguyên đơn thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện đại chúng đối với Công ty V và bà Lê Thị H.

Ngày 26/5/2022, nguyên đơn có văn bản trả lời về việc không thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện đại chúng đối với Công ty Vạn Lợi Thành Phát và bà Lê Thị Hà và đề nghị Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết theo quy định.

Do đó, Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đối với Công ty V và bà Lê Thị H.

[1.2.4] Bị đơn Công ty V (người đại diện theo pháp luật là bà Lê Thị H đồng thời bà H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty V và bà Lê Thị H.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn Công ty V (người đại diện theo pháp luật là bà Lê Thị Hồng thời bà H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) nhưng Công ty V và bà H không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có ý kiến phản bác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

[2] Nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng cho vay từng lần số: SME/HCM/19/0049/HDTD ngày 19/6/2019 được ký giữa đại diện hợp pháp của Ngân hàng và đại diện theo pháp luật của Công ty V – bà Lê Thị H phù hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, nên có hiệu lực pháp luật.

Xét Khế ước nhận nợ lần: 01/số: SME/HCM/19/0049/HDTD-01 ngày 19/6/2019, Công ty V đã nhận nợ số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 19/6/2019; kỳ trả nợ gốc theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 01, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01/7/2019, tổng 12 kỳ, số tiền trả mỗi kỳ là 50.000.000 đồng, kỳ cuối cùng là 150.000.000 đồng; trả lãi theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 01, bắt đầu trả nợ lãi vào ngày 01/7/2019.

Theo bảng kê tính lãi đến ngày 23/9/2022 do Ngân hàng cung cấp, kể từ thời điểm giải ngân, Công ty V đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 101.616.262 đồng, trong đó trả nợ gốc là 97.217.459 đồng và trả nợ lãi là 4.398.803 đồng, cụ thể:

- Ngày 01/7/2019, trả nợ lãi số tiền 28.176 đồng;
- Ngày 04/7/2019, trả nợ gốc số tiền 50.000.000 đồng và trả nợ lãi số tiền 4.000.000 đồng;
- Ngày 05/7/2019, trả nợ lãi số tiền 370.627 đồng;
- Ngày 26/3/2021, trả nợ gốc số tiền 47.217.459 đồng.

Từ ngày 27/3/2021 đến nay, Công ty V không thanh toán tiếp tục số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Như vậy, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng cho vay từng lần và Điều 1 Khế ước nhận nợ. Ngân hàng chuyển số nợ gốc sáng quá hạn kể từ ngày 01/8/2019 và tính lãi quá hạn là phù hợp quy định tại Điều 18 và Điều 20 Thông tư 39 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Tính đến ngày 23/9/2019, số tiền gốc mà Công ty Vạn Lợi Thành Phát còn nợ Ngân hàng là 700.000.000 đồng – 97.217.459 đồng = 602.782.541 đồng.

Theo khoản 6 Điều 2 Hợp đồng cho vay từng lần và khoản 5 Điều 1 Khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 18.6%/năm, cố định trong 01 tháng kể từ ngày giải ngân; hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, ngày đầu điều chỉnh lãi suất là ngày 17/9/2019, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng cộng (+) với biên độ 11%. Theo các quyết định áp dụng biểu lãi suất điều chuyển vốn nội bộ do Ngân hàng cung cấp cho

Tòa án, thì mức lãi suất do Ngân hàng công bố theo từng thời kỳ cụ thể. Việc thỏa thuận lãi suất này phù hợp với quy định tại Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Tính đến ngày 23/9/2022, Công ty V còn nợ Ngân hàng tổng số tiền lãi là 558.962.729 đồng, trong đó:

- Nợ lãi trong hạn: 10.319.005 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 542.514.186 đồng;
- Nợ lãi chậm trả: 6.129.538 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 8 và điểm a khoản 1 Điều Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ gốc là 602.782.541 đồng, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và nợ lãi chậm trả tạm tính đến ngày 23/9/2022 là 558.962.729 đồng. Tổng cộng 1.161.745.270 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số: SME/HCM/19/0049/HDTD ngày 19/6/2019 và Khế ước nhận nợ lần: 01/số: SME/HCM/19/0049/HDTD-01 ngày 19/6/2019.

[2.2] Xét Hợp đồng bảo lãnh số: SME/HCM/19/0049/HDBL.01 ngày 19/6/2019 được ký giữa Ngân hàng và bên bảo lãnh là bà Lê Thị H, nội dung bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, cả khoản phạt, các khoản bồi thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính cho bên được bảo lãnh là Công ty V đối với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay từng lần số: SME/HCM/19/0049/HDTD ngày 19/6/2019. Xét nội dung số: SME/HCM/19/0049/HDBL.01 ngày 19/6/2019 phù hợp với Điều 335, Điều 336 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 18 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với các bên tham gia ký kết.

Do đó, có căn cứ xác định bà Hà đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thay cho Công ty V với tổng số nợ tạm tính đến ngày 23/9/2022 là 1.161.745.270 đồng (trong đó nợ gốc là 602.782.541 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.319.005 đồng, nợ lãi quá hạn là 542.514.186 đồng, nợ lãi chậm trả là 6.129.538 đồng. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng đề nghị bà H có nghĩa vụ trả thay cho Công ty V trong trường hợp Công ty V không thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng, là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở, phù hợp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương

mai sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 335, Điều 336 Bộ luật Dân sự 2015; và khoản 18 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 18 Điều 4, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 13, Điều 18 và Điều 20 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Công ty V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2022 là 1.161.745.270 (một tỷ một trăm sáu mươi một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi đồng), trong đó:

- Nợ gốc là 602.782.541 (sáu trăm lẻ hai triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi một đồng);

- Lãi trong hạn là 10.319.005 (mười triệu ba trăm mười chín nghìn lẻ năm đồng);

- Lãi quá hạn là 542.514.186 (năm trăm bốn mươi hai triệu năm trăm mười bốn nghìn một trăm tám mươi sáu đồng);

- Lãi chậm trả là 6.129.538 (sáu triệu một trăm hai mươi chín nghìn năm trăm ba mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số: SME/HCM/19/0049/HDTD ngày 19/6/2019 và Khế ước nhận nợ lần: 01/số: SME/HCM/19/0049/HDTD-01 ngày 19/6/2019 giữa Công ty V và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Trong trường hợp Công ty V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, bà Lê Thị H có trách nhiệm trả thay số tiền nợ nêu trên của Công ty

V cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/HCM/19/0049/HDBL.01 ngày 19/6/2019 giữa bà Lê Thị H và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 46.852.358 (bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi hai nghìn ba trăm năm mươi tám đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.685.000 (hai mươi một triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0028893 ngày 01/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Ngọc Mỹ